TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 232/2017/ HN-ST
Ngày: 14-12-2017
"V/v Ly hôn giữa chị T và anh Tr"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **TRẦN TÚ ANH**
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông **TRẦN VĂN HÀI**
2. Bà **ÂU THỊ NGỌC HOA**
- *Thư ký phiên tòa*: Ông **PHẠM MINH TÂN** - Thư ký tòa án.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên toà:* Không có tham gia.

Trong ngày 14 tháng 12 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 676/2017/TLST- HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2017 về tranh chấp ly hôn và nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 219/2017/QĐXX-ST ngày 10 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **ĐẶNG THỊ CẨM T**, sinh năm 1991.
Địa chỉ: ấp H, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Anh **VÕ MINH TR**, sinh năm 1985.
Địa chỉ: ấp H, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.
(Chị T xin vắng mặt, anh Tr vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện, tờ tự khai chị Đặng Thị Cẩm T trình bày: Chị và anh Tr xác lập quan hệ vợ chồng năm 2006, trên cơ sở mai mối và sắp đặt của gia đình, anh chị có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã B ngày 04/11/2009. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẩn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cải nhau và ly thân đến nay.

Con chung: Anh chị có 02 con chung tên Võ Thị Tuyết N, sinh ngày 19/9/2007 và Võ M, sinh ngày 20/8/2009 hiện đang sống cùng chị.

Tài sản chung, nợ chung: Không có

Chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Tr. Con chung chị yêu cầu nuôi cả 02 con, anh Tr phải cấp dưỡng mỗi tháng 800.000đồng/con đến khi đủ 18 tuổi.

- Bị đơn anh Võ Minh Tr dù nhận đầy đủ văn bản tố tụng và được triệu tập hợp lệ nhưng không tham gia tố tụng, không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định pháp luật Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng: Ngày 10/11/2017 chị T có đơn xin giải quyết vắng mặt với lý do bận đi làm. Đối với bị đơn anh Võ Minh Tr dù được triệu tập xét xử hợp lề lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt cả 02 đương sự.

- Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy chị T và anh Tr tiến đến hôn nhân năm 2006 trên cơ sở mai mối, sắp đặt của cha mẹ nên anh chị không có thời gian tìm hiểu lẫn nhau dẫn đến sau khi cưới nhau anh chị chỉ chung sống được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn và ly thân từ năm 2015 đến nay không ai qua lại với nhau hay tìm biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng. Trong quá trình Tòa án tiến hành hòa giải giữa 02 bên anh Tr dù nhận được giấy triệu tập của Tòa cũng không đến và cũng không có ý kiến gì về việc chị T xin ly hôn, phía chị T vẫn kiên quyết ly hôn vì tình cảm không còn. Từ đó chứng tỏ anh chị không thiết tha đoàn tụ với nhau nữa. Cũng theo xác nhận của ban quản lý ấp H, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang thì hiện tại anh Tr và chị T không còn sống chung với nhau, còn vợ chồng mâu thuẫn thế nào địa phương không nắm, hiện 02 con đang sống chung với mẹ. Từ đó cho thấy tình cảm vợ chồng của anh chị không còn, quan hệ hôn nhân thật sự đỗ vỡ, không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ, mục đích hôn nhân không còn đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu cho chị T được ly hôn anh Tr là phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Anh chị có 02 con chung tên Võ Thị Tuyết N, sinh ngày 19/9/2007 và Võ M, sinh ngày 20/8/2009 hiện đang sống cùng chị T từ lúc ly thân. Tuy chị T xin vắng mặt trong phiên tòa xét xử nhưng trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án chị T có nguyện vọng được nuôi con chung khi ly hôn. Đồng thời qua làm việc với cháu N và M thì cả 02 cháu mong muốn sống chung với chị Tú nếu cha mẹ ly hôn. Xét thấy 02 con chung được chị T nuôi dưỡng từ lúc anh chị ly thân đến nay cháu vẫn được đi học và phát triển bình thường, anh Tr không có ý kiến gì về việc chị T nuôi con chung nếu anh chị ly hôn. Do đó để tránh xáo trộn tâm sinh lý của con chung Hội đồng xét xử xem xét tiếp tục giao cháu tên Võ Thị Tuyết N, sinh ngày 19/9/2007 và Võ M, sinh ngày 20/8/2009 cho chị T nuôi dưỡng là phù hợp điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Trong quá trình giải quyết vụ án chị T yêu cầu anh Tr cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 800.000đồng/con. Xét thấy nghĩa vụ cấp dưỡng là nghĩa vụ của người không trực tiếp nuôi con đối với con chưa thành niên. Anh Tr không nuôi con chung nên phải cấp dưỡng nuôi con. Đối với chị T làm công nhân thu nhập không cao nên mức cấp dưỡng mà chị T yêu cầu cũng phù hợp với khả năng của anh Tr, nhu cầu thiết yếu của con chung. Do đó hội đồng xét xử chấp nhận mức cấp dưỡng nuôi con mà chị T yêu cầu là 800.000đồng/tháng/con là phù hợp Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình.

- Về tài sản chung, nợ chung không có nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí: T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu ly hôn được chấp nhận, anh Tr phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo qui định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, 227, 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357 Bộ luật Dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83, 107, 110, 116 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Chấp nhận yêu khởi kiện của chị Đặng Thị Cẩm T.

1. Về hôn nhân: Cho chị Đặng Thị Cẩm T được ly hôn với anh Võ Minh Tr.

2. Về con chung: Tiếp tục giao cho chị Đặng Thị Cẩm T được quyền nuôi cháu Võ Thị Tuyết N, sinh ngày 19/9/2007 và Võ M, sinh ngày 20/8/2009. Anh Tr phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 800.000đồng/ con, thực hiện đến khi cháu N và N đủ 18 tuổi.

Anh Tr được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo qui định pháp luật.

Kể từ ngày chị T có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh Tr chậm thi hành đối với phần tiền thì còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất qui định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

4. Về án phí:

- Chị Đặng Thị Cẩm T phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí DSST. Chị đã nộp 300.000đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 07510 ngày 11/9/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè xem như thi hành xong.

- Anh Tr phải chịu 300.000đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

5. Về thời hạn kháng cáo: Chị T, anh Tr có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Cái Bè;
- Chi cục THADS huyện Cái Bè;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

TRẦN TÚ ANH